

MARKET INSIGHTS REPORTS

12/12/2023

GIAO DỊCH KIỂU THẮT CHẶT – THƯỜNG LÀ TÍN HIỆU TỐT



NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Northern Doji”. Khối lượng giao giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng giao dịch giảm là mô hình tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index vẫn đi trong khung biến động mà chúng tôi chia sẻ cách đây 2 tuần là 1,070 – 1,134 điểm và đây là tuần giao dịch thứ 4 của chỉ số trong khung giao dịch này. Hiện chỉ số vẫn chưa vượt lên ngưỡng kháng cự 1,134 điểm để xác nhận xu hướng tăng giá theo cấu trúc (Có Higher High và Higher Low). Tuy nhiên, giao dịch chúng ta tgn trạng thái thân nên hẹp và tăng giá nhẹ. Đây là một dạng giao dịch kiểu thắt chặt. (ii) Dải băng trên đang có xu hướng mở ra để hỗ trợ giá lên và do đó chỉ cần cây nến xanh đẩy giá thì đây là mẫu hình tăng giá hoàn hảo. (iii) Khối ngoại tiếp tục bán ròng trong phiên hôm nay với quy mô khoảng 300 tỷ. Có lẽ xu hướng này sẽ tiếp tục tới hết tuần sau (Ngày tái cân bằng ETF). (iv) Về dòng tiền, nhóm vốn hóa lớn với MWG, VHM, HPG, FPT... đang gia tăng lên. Tổng thể, chúng ta đang ở khúc cua quan trọng đối với chỉ số VN-Index.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 13 mã cho tín hiệu mua, 10 mã cho tín hiệu bán, 07 mã cho tín hiệu đi ngang. VNM, BID, TCB, BVH, VPB, ACB, CTG, FPT ... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 51% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giao dịch tăng điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 4. Kháng cự là 1,134 điểm. Hỗ trợ là 1,080 điểm.

Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

Biểu đồ trong ngày:

- Lựa chọn cổ phiếu ngành vận tải nên ưu tiên nhóm nào ?;
- Thị trường khoáng sản tập trung;

TTCK Mỹ: Dự báo tối nay các chỉ số sẽ tăng điểm nhẹ.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	576
Số cổ phiếu không có giao dịch	59
Số cổ phiếu tăng giá	248 / 39.06%
Số cổ phiếu giảm giá	222 / 34.96%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	165 / 25.98%

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	233
Số cổ phiếu không có giao dịch	95
Số cổ phiếu tăng giá	88 / 26.83%
Số cổ phiếu giảm giá	74 / 22.56%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	166 / 50.61%

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	359
Số cổ phiếu không có giao dịch	500
Số cổ phiếu tăng giá	152 / 17.69%
Số cổ phiếu giảm giá	105 / 12.22%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	602 / 70.08%

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	37,405,074	48,903,393	-11,498,319
% KL toàn thị trường	5,79%	7,57%	
Giá trị	1058,75 tỷ	1367,40 tỷ	-308,65 tỷ
% GT toàn thị trường	9,44%	12,19%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,859,760	419,940	1,439,820
% KL toàn thị trường	2,30%	0,52%	
Giá trị	49,29 tỷ	8,03 tỷ	41,26 tỷ
% GT toàn thị trường	3,91%	0,64%	

UPCOM

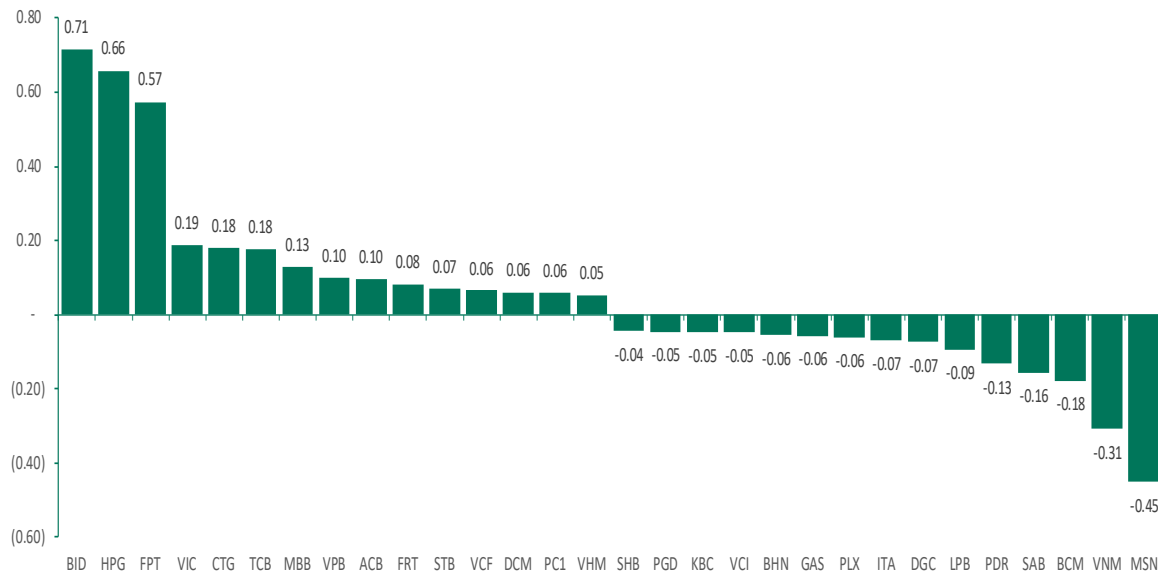
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,042,700	498,560	544,140
% KL toàn thị trường	3,65%	1,74%	
Giá trị	23,20 tỷ	25,52 tỷ	-2,32 tỷ
% GT toàn thị trường	6,75%	7,43%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

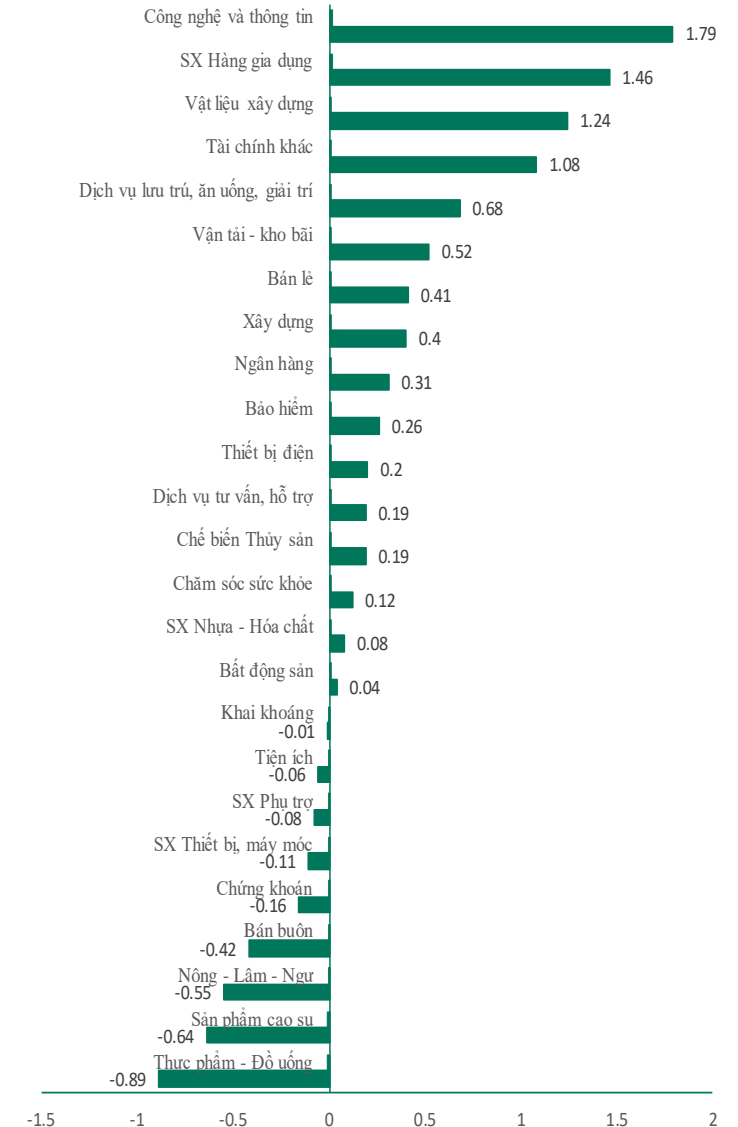
TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,006,400	84,200	0 (0%)	14.46	2.96	5,821	470,601
2	BID	956,500	41,900	500 (1.21%)	13.41	2.01	3,125	238,848
3	GAS	471,100	78,200	-100 (-0.13%)	10.22	2.87	7,649	179,605
4	VHM	6,169,100	41,050	50 (0.12%)	6.20	0.99	6,621	178,747
5	VIC	2,774,200	44,250	200 (0.45%)	18.69	1.15	2,367	168,767
6	HPG	31,681,800	27,950	450 (1.64%)	19.25	1.63	1,452	162,523
7	VPB	6,823,800	19,450	50 (0.26%)	7.16	1.40	2,718	154,315
8	VNM	2,788,700	69,400	-600 (-0.86%)	19.11	4.27	3,632	145,043
9	CTG	3,346,200	27,000	150 (0.56%)	7.73	1.06	3,491	129,755
10	FPT	4,084,900	96,800	1,800 (1.89%)	21.86	4.33	4,429	122,933

TOP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



TTCK VIỆT NAM: Giao dịch kiểu thắt chặt – Thường là tín hiệu tốt**Góc nhìn giao dịch thị trường**

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 2.13 điểm (+ 0.19%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Công nghệ thông tin, sản xuất hàng gia dụng, vật liệu xây dựng, tài chính khác, dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí, vận tải kho bãi, bán lẻ, xây dựng, ngân hàng... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như FPT, CTR, TCM, MSH, TNG, GIL, TCM, MSH, TNG, GIL, TTF, HPG, HSG, VGC, NKG, POM, IPA, OGC, OCH, VJC, PVT, GMD, PNJ, FRT, HUT, PC1, CTD, CII, BCG, BID, VPB, TCB, ACB, STB, VOS ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) PVT tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá phục hồi từ hỗ trợ động MA(20) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) MSH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá vẫn nằm trên hỗ trợ động MA(50) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu giao dịch kiểu thắt chặt và đang ở mức Fibo 50%. Cổ phiếu cần vượt kháng cự 40 để xác nhận xu hướng tăng trở lại;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(iii) GIL tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Bullish Harami”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đi ngang với các đường MA có dấu hiệu nằm phẳng lên nhau;
- ✓ Một Break out mốc 28 sẽ xác nhận xu hướng tăng giá quay trở lại;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(iv) NKG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng chưa mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Giao dịch hiện tại giống mô hình thắt chặt – Thường tăng giá – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá tồn mạ và sản lượng bán hàng có xu hướng tăng trong Q4/2023 là thông tin tốt hỗ trợ đà tăng giá của cổ phiếu;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(v) BID tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá mục tiêu của BID là vùng giá 44;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(2) Thực phẩm đồ uống, sản phẩm cao su, nông lâm nghiệp, bán buôn, chứng khoán, sản xuất thiết bị máy móc, sản phẩm phụ trợ, tiên ích, khai khoáng... là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như VNM, MSN, SAB, DRC, VIF, HNG, PLX, DGW, SSI, SHS, HCM, NAG, TLG, GAS, BWE, NT2, PVS ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) PLX giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu chưa vượt mốc kháng cự 40 để xác nhận xu hướng tăng giá trung hạn;
- ✓ Giao dịch kiểu thắt chặt sau cây nến tăng giá ngày 28/11/2023 – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá dầu có xu hướng điều chỉnh giảm – Thường sẽ khiến kết quả kinh doanh của PLX đi xuống do chu kỳ điều chỉnh xăng dầu là 1 tuần trong khi lưu kho thường 1 tháng – Tác động tiêu cực;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(ii) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Giá đang lấp lại khoảng trống giá ngày 5/12/2023 – Về cơ bản đây là tín hiệu thường thấy. Chúng ta chưa kết luận được xu hướng của SSI theo mẫu hình này;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 58%;

(iii) NT2 giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Shorting Star”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình hai đỉnh cảnh báo sự đảo chiều. Một Break Down đường Confirmation Line là 23.5 sẽ xác nhận xu hướng xuống tiếp trong ngắn hạn;
- ✓ Chúng tôi thấy sản lượng điện khí EVN huy động trong Q4/2023 vẫn đang ở mức rất thấp và nó có thể khiến kết quả kinh doanh của NT2 tiếp tục suy giảm;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 61%;

(iv) DGW giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ MA(20) sắp cắt MA(50) – Tín hiệu tăng giá trung hạn;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

Phân tích kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Northern Doji”. Khối lượng giao giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng giao dịch giảm là mô hình tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index vẫn đi trong khung biến động mà chúng tôi chia sẻ cách đây 2 tuần là 1,070 – 1,134 điểm và đây là tuần giao dịch thứ 4 của chỉ số trong khung giao dịch này. Hiện chỉ số vẫn chưa vượt lên ngưỡng kháng cự 1,134 điểm để xác nhận xu hướng tăng giá theo cấu trúc (Có Higher High và Higher Low). Tuy nhiên, giao dịch chúng ta tgn trạng thái thân nến hẹp và tăng giá nhẹ. Đây là một dạng giao dịch kiểu thắt chặt. (ii) Dải băng trên đang có xu hướng mở ra để hỗ trợ giá lên và do đó chỉ cần cây nến xanh đầu giá thì đây là mẫu hình tăng giá hoàn hảo. (iii) Khối ngoại tiếp tục bán ròng trong phiên hôm nay với quy mô khoảng 300 tỷ. Có lẽ xu hướng này sẽ tiếp tục tới hết tuần sau (Ngày tái cân bằng ETF). (iv) Về dòng tiền, nhóm vốn hóa lớn với MWG, VHM, HPG, FPT... đang gia tăng lên. Tổng thể, chúng ta đang ở khúc cua quan trọng đối với chỉ số VN-Index.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 13 mã cho tín hiệu mua, 10 mã cho tín hiệu bán, 07 mã cho tín hiệu đi ngang. VNM, BID, TCB, BVH, VPB, ACB, CTG, FPT ... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 51% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giao dịch tăng điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 4. Kháng cự là 1,134 điểm. Hỗ trợ là 1,080 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu SSI



Biểu đồ cổ phiếu DBC



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	500.56	499.64	501.48	NO	507.41	512.42	519.27	524.28	495.55	488.7	483.69	476.84
HNXINDEX	231.55	231.47	231.63	YES	233.07	234.43	235.95	237.31	230.19	228.67	227.31	225.79
UPINDEX	85.36	85.37	85.36	YES	85.67	85.98	86.29	86.6	85.05	84.74	84.43	84.12
VN30	1119.1	1118.1	1120.2	YES	1123.3	1125.4	1129.5	1131.6	1117.1	1112.9	1110.8	1106.7
VNXALL	1834.7	1833.8	1835.7	YES	1840.7	1844.7	1850.7	1854.7	1830.7	1824.8	1820.7	1814.8
VNINDEX	1126.9	1126.6	1127.3	YES	1130.5	1133.3	1136.9	1139.8	1124.1	1120.5	1117.6	1114.1
VN30FIM	1118.2	1118	1118.5	YES	1123.3	1127.7	1132.8	1137.2	1113.8	1108.7	1104.3	1099.2
VN30F2M	1117.2	1117.1	1117.4	YES	1121.8	1126.1	1130.7	1135	1112.9	1108.3	1104	1099.4
VN30F2Q	1110.9	1111.2	1110.5	YES	1114.5	1118.9	1122.5	1126.9	1106.5	1102.9	1098.5	1094.9
VN30F1Q	1112.6	1112.4	1112.9	YES	1117.1	1121	1125.5	1129.4	1108.7	1104.2	1100.3	1095.8
BCM	64.6	64.7	64.5	NO	65.1	65.8	66.3	67	63.9	63.4	62.7	62.2
BID	41.72	41.63	41.81	NO	42.23	42.57	43.08	43.42	41.38	40.87	40.53	40.02
ACB	22.43	22.4	22.47	NO	22.57	22.63	22.77	22.83	22.37	22.23	22.17	22.03
BVH	40.13	40.15	40.12	YES	40.27	40.43	40.57	40.73	39.97	39.83	39.67	39.53
CTG	26.9	26.85	26.95	NO	27.1	27.2	27.4	27.5	26.8	26.6	26.5	26.3
GVR	20.47	20.53	20.41	NO	20.58	20.82	20.93	21.17	20.23	20.12	19.88	19.77
GAS	78.17	78.15	78.18	YES	78.43	78.67	78.93	79.17	77.93	77.67	77.43	77.17
FPT	96.3	96.05	96.55	NO	97.3	97.8	98.8	99.3	95.8	94.8	94.3	93.3
HDB	18.73	18.7	18.77	NO	18.87	18.93	19.07	19.13	18.67	18.53	18.47	18.33
HPG	27.88	27.85	27.92	NO	28.27	28.58	28.97	29.28	27.57	27.18	26.87	26.48
MBB	18.2	18.17	18.22	NO	18.3	18.35	18.45	18.5	18.15	18.05	18	17.9
MSN	66.53	66.7	66.37	NO	67.37	68.53	69.37	70.53	65.37	64.53	63.37	62.53
MWG	42.4	42.35	42.45	NO	42.7	42.9	43.2	43.4	42.2	41.9	41.7	41.4
PLX	35.42	35.4	35.43	YES	35.73	36.02	36.33	36.62	35.13	34.82	34.53	34.22
POW	11.6	11.6	11.6	YES	11.7	11.8	11.9	12	11.5	11.4	11.3	11.2
SAB	65.27	65.4	65.13	NO	65.63	66.27	66.63	67.27	64.63	64.27	63.63	63.27
SSB	22.6	22.58	22.63	NO	22.7	22.75	22.85	22.9	22.55	22.45	22.4	22.3
SHB	11.15	11.18	11.13	NO	11.2	11.3	11.35	11.45	11.05	11	10.9	10.85
SSI	32.7	32.75	32.65	NO	32.9	33.2	33.4	33.7	32.4	32.2	31.9	31.7
TCB	30.95	30.9	31	NO	31.15	31.25	31.45	31.55	30.85	30.65	30.55	30.35
STB	27.97	27.95	27.98	YES	28.13	28.27	28.43	28.57	27.83	27.67	27.53	27.37
TPB	17.35	17.35	17.35	YES	17.45	17.55	17.65	17.75	17.25	17.15	17.05	16.95
VHM	41.03	41.03	41.04	YES	41.32	41.58	41.87	42.13	40.77	40.48	40.22	39.93
VCB	84.3	84.35	84.25	YES	84.6	85	85.3	85.7	83.9	83.6	83.2	82.9
VIB	19.18	19.17	19.19	YES	19.32	19.43	19.57	19.68	19.07	18.93	18.82	18.68
VIC	44.22	44.2	44.23	YES	44.43	44.62	44.83	45.02	44.03	43.82	43.63	43.42
VJC	103.83	103.5	104.17	NO	105.57	106.63	108.37	109.43	102.77	101.03	99.97	98.23
VPB	19.37	19.33	19.41	NO	19.53	19.62	19.78	19.87	19.28	19.12	19.03	18.87
VRE	23.62	23.6	23.63	YES	23.83	24.02	24.23	24.42	23.43	23.22	23.03	22.82
VNM	69.5	69.55	69.45	YES	70	70.6	71.1	71.7	68.9	68.4	67.8	67.3

CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	Avg Volume 10 Days	Change %	Daily Returns %
POM	6,025,400	1,348,730	447	7
IDJ	4,897,000	1,372,990	357	8.2
TNG	4,259,600	1,590,450	268	4.19
FPT	4,084,900	2,041,010	200	1.89
HAR	3,310,300	696,120	475.54	6.86
LAS	2,401,600	840,890	286	3.45
APS	1,650,600	651,870	253	2.9
API	1,046,400	326,230	320.76	3.45
HAP	875,900	259,250	338	0.8
KPF	853,100	416,080	205	6.84
PTB	840,600	184,620	455.31	1.04
HTP	755,200	131,960	572	-9.46
LMH	747,800	228,630	327	3.45
AAT	583,400	276,170	211	1.8
SRA	406,000	157,170	258	0
SDA	350,600	92,810	377.76	9.52
TDM	208,600	35,760	583	2.72
PLP	208,500	65,340	319	4.34
SDT	166,500	8,320	2,001	5
KHP	165,000	31,730	520	-1.74
ACV	161,700	64,980	248.85	-1.2
MVC	157,200	47,970	328	0.8
SDD	151,500	48,430	313	5.26
SCI	139,800	62,440	224	1.56
BNA	139,200	67,630	206	1.96
PBC	129,400	47,380	273.11	-1.08
CMT	119,200	26,510	450	13.43
ASP	105,100	39,760	264	-0.39
SHA	103,900	27,940	372	-0.84
HTG	101,900	45,940	222	0.15
TFC	98,300	10,740	915	-8.14
GDT	81,300	29,480	276	0.22
DID	62,500	19,650	318	2.56
VE8	61,900	25,290	245	8.51
PAC	59,900	10,330	580	-5.88
LDP	57,300	26,590	215	-4.73
D2D	57,300	19,760	290	0.39
TCO	52,600	20,030	263	-0.95
DXV	50,400	4,450	1,133	6.99
PRO	42,800	110	38,909	9.09

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: POM, IDJ... bùng nổ khối lượng giao dịch

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
8-Dec	BCM	Mua	≤ 66	10% -20%	Cổ phiếu đang trong sóng 3 tăng giá

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI NÀO**;
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,080 điểm. Kháng cự là vùng giá 1,134 điểm;
- Chúng ta cần lưu ý mốc hỗ trợ theo khung như chúng tôi chia sẻ là 1,080 – 1,134 điểm. Kháng cự vẫn là kháng cự cho tới khi nó bị phá vỡ.
- Khối ngoại bán ròng mạnh nhất trong 1 tháng qua tạo tâm lý tiêu cực nhưng mức giảm điểm cho thấy cầu hấp thụ vẫn tốt. Chúng tôi kỳ vọng đà bán ròng của khối ngoại sẽ giảm vào tuần sau.

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 11/12, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.932 VND/USD, giảm 19 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD; tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.078 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.250 VND/USD, tăng 31 đồng so với phiên 08/12. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 20 đồng ở chiều mua vào và 40 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 24.640 VND/USD và 24.740 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 11/12, lãi suất chào bình quân LNH VND đi ngang ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi giảm 0,03 – 0,05 đpt ở các kỳ hạn 1W và 1M so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 0,20%; 1W 0,33%; 2W 0,58% và 1M 1,05%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 – 0,04 đpt ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 5,06%; 1W 5,17%; 2W 5,25%, 1M 5,35%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở các kỳ hạn 3Y và 7Y trong khi giảm ở kỳ hạn 15Y, tăng ở các kỳ hạn còn lại; chốt phiên ở mức: 3Y 1,62%; 5Y 1,62%; 7Y 2,14%; 10Y 2,35%; 15Y 2,55%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Hôm qua, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN và cũng không có khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

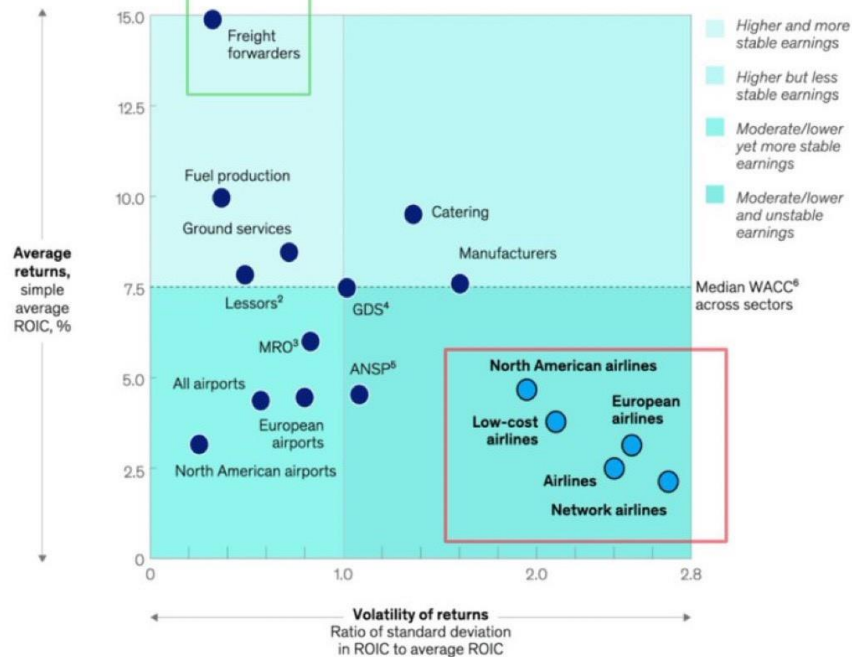
- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Lựa chọn cổ phiếu ngành vận tải nên ưu tiên nhóm nào ?

Airlines stand out in the value chain for lower and more volatile returns; service providers differ.

Aviation value chain subsector volatility of return on invested capital (ROIC) and average ROIC level, 2012-22



¹After-tax ROIC including goodwill; ROIC as net operating profit after tax/invested capital. ²Return on equity instead of ROIC. ³Maintenance, repair, and overhaul. ⁴Global distribution system. ⁵Air navigation service providers. ⁶Weighted average cost of capital (WACC), which differs by aviation subsector, hence median WACC in 2022 cannot be used to determine economic profit (ROIC less WACC) by subsector. Source: Aviation value chain model; company reports; S&P Global; The Airline Analyst, Airfinance Journal

McKinsey & Company

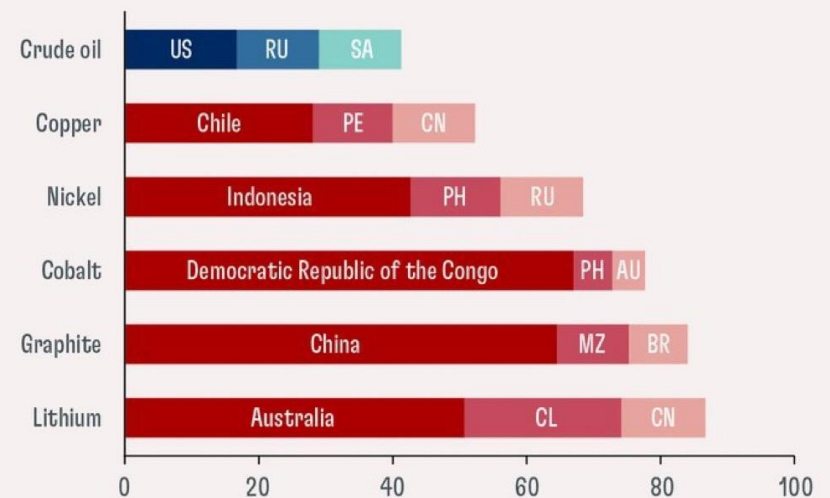
Thị trường khoáng sản tập trung

CHART 2

Concentrated mineral market

The supply of critical minerals is more concentrated than that of crude oil and therefore more vulnerable to trade disruption.

Top three producers
(share of world production, percent)



SOURCES: British Geological Survey; US Geological Survey; and IMF staff calculations.

NOTE: AU = Australia, BR = Brazil, CL = Chile, CN = China, MZ = Mozambique, PE = Peru, PH = Philippines, RU = Russia, SA = Saudi Arabia, US = United States.

TTCK MỸ: Chờ đợi tin tức CPI và thông điệp của FED

TESLA đang giao dịch kiểu đi ngang



Vốn hóa vừa và nhỏ đang chuẩn bị có Break out ?



Dòng tiền vẫn đẩy nhóm cổ phiếu công nghệ ?



Những người chờ đợi S&P 500 giảm liệu có mệt mỏi ?



Kết luận: Dự báo tôi nay các chỉ số sẽ tăng điềm nhẹ.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Tel: 0243 – 5739779

Fax: 0243 – 5739769